

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST  
Ngày 16 - 4 - 2026  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mùi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Chu Minh Đôn

Bà Võ Thị Thu Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2026/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp H, xã A, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ D, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Minh C, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã B, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ D, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà và ông Trần Minh C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là UBND xã B, tỉnh An Giang). Việc sống chung và kết hôn là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, không thể hòa hợp với nhau được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng,

không thể hòa giải đoàn tụ được nên bà nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông **Trần Minh C**.

- Về con chung: Bà và ông **C** có 02 con chung là **Trần Thị Thiên K**, sinh ngày 16/01/2015 và **Trần Thị Thiên Ý**, sinh ngày 26/9/2022. Hiện con chung **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý** đang sống với bà, do ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà xin được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý**, không yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông **Trần Minh C** trình bày:* Ông thống nhất với lời khai của bà **Nguyễn Thị G** về thời gian sống chung, kết hôn. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và có thể hàn gắn được. Với yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị G**, ông không đồng ý ly hôn, mong muốn được Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái và lo cho gia đình.

- Về con chung: Ông và bà **G** có 02 con chung là **Trần Thị Thiên K**, sinh ngày 16/01/2015 và **Trần Thị Thiên Ý**, sinh ngày 26/9/2022. Hiện 02 con chung **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý** đang được ông bà ngoại chăm sóc, ông **C** có cấp dưỡng, thăm nom hai con chung. Nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông xin được quyền nuôi dưỡng hai con **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý**, không yêu cầu bà **G** cấp dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị G** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông **Trần Minh C** được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Về con chung: Bà **G**, ông **C** có 02 con chung là **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý**. Con chung **Trần Thị Thiên K** có nguyện vọng muốn sống cùng bà **G**, bà **G** yêu cầu nuôi 02 con. Do đó, đề nghị giao 02 con chung cho bà **G** nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **G** không yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó, xác định là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại **xã B, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị G** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông **Trần Minh C** được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị G** và ông **Trần Minh C** chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang** (nay là **UBND xã B, tỉnh An Giang**). Quan hệ hôn nhân giữa bà **G** và ông **C** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do cãi nhau, vợ chồng đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nguyên đơn kiên quyết ly hôn với bị đơn. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, hiện đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn nhưng không có phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung là **Trần Thị Thiên K**, sinh ngày 16/01/2015 và **Trần Thị Thiên Ý**, sinh ngày 26/9/2022. Bà **Nguyễn Thị G** và ông **Trần Minh C** có tranh chấp về nuôi con. Bà **G**, ông **C** yêu cầu được quyền nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, hiện 02 con chung **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý** đang sống cùng nguyên đơn, do cha mẹ của nguyên đơn hỗ trợ chăm sóc, nguyện vọng của cháu **Thiên K** là muốn sống cùng bà **G**. Cháu **Thiên Ý** còn nhỏ, đang sống ổn định cùng nguyên đơn. Vì vậy, giao 02 con chung **Trần Thị Thiên K** và **Trần Thị Thiên Ý** cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù

hợp với các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và sự ổn định của tâm lý trẻ và nguyện vọng của con chung trên 07 (bảy) tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà G không yêu cầu bị đơn ông C về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G đối với bị đơn ông Trần Minh C.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Trần Minh C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Trần Minh C có 02 con chung là Trần Thị Thiên K, sinh ngày 16/01/2015 và Trần Thị Thiên Ý, sinh ngày 26/9/2022. Giao con chung Trần Thị Thiên K và Trần Thị Thiên Ý cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G không yêu cầu ông Trần Minh C về cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở ông Trần Minh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050403 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mùi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mùi**